

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
SUN - SỐNG MỚI - CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN - Kế hoạch Ưu tiên Tích lũy



Hành trình khác biệt
Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam
Nghiệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN VAN A
Người được bảo hiểm: NGUYEN VAN A

TIỀN PHONG BẢO VỆ

Đa tầng bảo vệ cho bản thân và gia đình với các quyền lợi bảo vệ toàn diện và đột phá

- Đảm bảo chi trả từ 500.000.000 đồng trước rủi ro tử vong/Thương tật toàn bộ vĩnh viễn (TTTBVV)

DẪN DẮT TƯƠNG LAI

Làm chủ tương lai với quỹ tài chính vững vàng và linh hoạt cho mỗi giai đoạn cuộc đời

- Tích lũy HIỆU QUẢ với lãi suất đảm bảo và nhiều khoản thưởng hấp dẫn, dễ nhận
- LINH HOẠT đóng phí, rút tiền, điều chỉnh mức bảo vệ theo nhu cầu
- Dịch vụ RÚT TIỀN ĐỊNH KỲ TỰ ĐỘNG MIỄN PHÍ (từ năm 60 tuổi và kể từ Năm hợp đồng thứ 10)

Ngày lập: 05/07/2024

Người lập: **TRẦN VŨ QUỐC AN**

Mã số: 174433

Điện thoại: **0934858544**

Chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm của TVTC:

Lưu ý: Bên mua bảo hiểm có thể tham khảo thông tin sản phẩm, tự thiết lập, đánh giá hợp đồng bảo hiểm SUN - Sống Mới dự kiến tham gia tại <https://sunlife.co/sun-ez>.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ SUN LIFE VIỆT NAM (SUN LIFE VIỆT NAM)

Lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm Nhân thọ

Trụ sở: Tầng 29, Tòa nhà Vietcombank, 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (84-28) 629.85.888/Fax: (84-28) 629.85.999/Website: www.sunlife.com.vn/Email: dichvu.khachhang@sunlife.com/Hotline: 1800 1786

Giấy phép thành lập số 68GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 24/01/2013 (đã được sửa đổi bổ sung); Vốn điều lệ 17.944 tỷ đồng

Mạng lưới Trung tâm Dịch vụ Khách hàng: <https://www.sunlife.com.vn/vn/ve-chung-toi/lien-he/mang-luoi-trung-tam-dich-vu-khach-hang/>

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN VAN A

Tuổi: 30

Giới tính: Nam

Nghề nghiệp: BIÊN TẬP VIÊN SÁCH, TẠP CHÍ

Đơn vị tính: Đồng

Người được bảo hiểm (NDBH)	Ngày sinh	Tuổi - Giới tính	Nhóm nghề nghiệp	Sản phẩm bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (Năm) (*)	Phí bảo hiểm năm
NGUYEN VAN A	01/01/1994	30 - Nam	1	SUN - Sống Mới - Chương trình Chuẩn	500.000.000	70	12.000.000
				- Kế hoạch Ưu tiên Tích lũy			
				Bảo hiểm bổ sung - Sống Chất(***)	100.000.000	Gia hạn hàng năm	1.520.000
				- Quyền lợi điều trị nội trú - Nước		Tối đa 15 năm	1.520.000
Bảo hiểm bổ sung - Sống An	500.000.000	15	1.450.000				

	Quý	Nửa năm	Năm
Phí bảo hiểm cơ bản (1)	3.000.000	6.000.000	12.000.000
Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung (2)	742.500	1.485.000	2.970.000
Phí bảo hiểm định kỳ (3) = (1) + (2)	3.742.500	7.485.000	14.970.000
Phí bảo hiểm đóng thêm (4)	-	-	-
Phí bảo hiểm định kỳ dự kiến = (3) + (4)	○ 3.743.000 ○	7.485.000 ⊙	14.970.000

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG (tiếp theo)

Ghi chú:

(*) Thời hạn đóng phí bằng Thời hạn bảo hiểm.

Đối với sản phẩm SUN - Sóng Mới, Thời hạn đóng phí bắt buộc là 3 Năm hợp đồng đầu tiên. **Thời hạn đóng phí dự kiến trên bảng minh họa này là 15 năm.** Từ Năm hợp đồng thứ 4, Bên mua bảo hiểm có thể đóng phí linh hoạt (có thể khác với thời hạn đóng phí dự kiến này), tùy theo tình hình tài chính, nhu cầu tích lũy và bảo vệ của mình. Trường hợp Bên mua bảo hiểm có yêu cầu được minh họa ở thời hạn đóng phí dự kiến khác với Bảng minh họa này, vui lòng yêu cầu Tư vấn Tài chính cung cấp Bảng minh họa mới với (các) thời hạn đóng phí dự kiến khác. Việc giảm/tạm ngưng đóng phí trong thời gian dài có thể dẫn đến Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực do Giá trị tài khoản không đủ khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng (đặc biệt khi Bên mua bảo hiểm tham gia nhiều sản phẩm bổ sung và đồng ý cho Sun Life Việt Nam sử dụng Giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung; hoặc Người được bảo hiểm có mức Phí bảo hiểm rủi ro cao ở các độ tuổi lớn; hoặc Bên mua bảo hiểm thực hiện rút tiền từ Giá trị tài khoản). Ngoài ra, các Khoản thưởng giúp gia tăng Giá trị tài khoản sẽ được đảm bảo khi Bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ phí bảo hiểm thỏa điều kiện nhận thưởng theo quy định.

(***) Thời hạn bảo hiểm của sản phẩm này là 1 năm và được gia hạn hàng năm hoặc chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm này. Phí bảo hiểm của sản phẩm này sẽ thay đổi theo tuổi của Người được bảo hiểm tại các Ngày kỷ niệm năm hợp đồng. Phí thể hiện ở đây là phí bảo hiểm của Năm hợp đồng 1. Phí bảo hiểm của các Năm hợp đồng tiếp theo và Quyền lợi san sẻ yêu thương (nếu có lựa chọn) được thể hiện ở trang Chi tiết Quyền lợi và Phí của Bảo hiểm bổ sung - Sóng Chất.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Sản phẩm bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm	Giá trị chi trả (đồng)	Ghi chú
Người được bảo hiểm: NGUYEN VAN A			
SUN - Sống Mới - Chương trình Chuẩn	Tử vong	Giá trị tài khoản gia tăng, cộng giá trị lớn hơn giữa 500.000.000 đồng và Giá trị tài khoản cơ bản.	
	Thương tật toàn bộ vĩnh viễn	Giá trị tài khoản gia tăng, cộng giá trị lớn hơn giữa 500.000.000 đồng và Giá trị tài khoản cơ bản.	Nếu NĐBH bị TTTBVV trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và trước ngày sinh nhật lần thứ 75 của NĐBH.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM(tiếp theo)

Sản phẩm bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm	Giá trị chi trả (đồng)	Ghi chú
Người được bảo hiểm: NGUYEN VAN A			
Bảo hiểm bổ sung - Sống Chất	Xem thông tin quyền lợi bảo hiểm tại trang Chi Tiết Quyền lợi và Phí của Bảo hiểm bổ sung - Sống Chất.		
Bảo hiểm bổ sung - Sống An (**)	Chấn thương và Thương tật bộ phận vĩnh viễn do Tai nạn	Lên đến 500.000.000/ Năm hợp đồng	Chi trả % STBH tương ứng với các chấn thương được quy định tại Quy tắc và Điều khoản SPBS này. Quyền lợi Chấn thương do Tai nạn (bao gồm Gãy xương, Chấn thương các cơ quan nội tạng, đứt Mô liên kết, Bồng độ 2 từ 20% bề mặt cơ thể & Bồng độ 3 từ 10% đến dưới 20% bề mặt cơ thể) chấm dứt khi tổng quyền lợi chi trả cho Chấn thương do Tai nạn đạt 200% STBH.
	Chấn thương nghiêm trọng và Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Tai nạn	500.000.000	Chấn thương nghiêm trọng bao gồm Bồng độ 3 từ 20% bề mặt cơ thể; Hôn mê; Chấn thương sọ não nghiêm trọng
	Tử vong do Tai nạn trong các trường hợp đặc biệt	Lên đến 1.500.000.000	Chi trả theo % STBH tương ứng với các sự kiện sau: hành khách trên chuyến bay thương mại hoặc Phương tiện giao thông công cộng, trong các ngày nghỉ Lễ/ Tết của Việt Nam, hỏa hoạn/sự cố thang máy trong các Tòa nhà công cộng, khi đang làm việc hoặc vợ/chồng cùng tử vong trong một tai nạn.
	Tử vong do các Tai nạn khác	500.000.000	

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (tiếp theo)

Ghi chú:

*(**) Các quyền lợi đã chi trả (nếu có) trong cùng 1 Tai nạn hoặc trong cùng Năm hợp đồng sẽ bị khấu trừ khi chi trả quyền lợi tử vong, TTTBVV, Chấn thương nghiêm trọng do Tai nạn. Trong cùng 1 Tai nạn, nếu NĐBH thỏa nhiều sự kiện bảo hiểm dẫn đến chấm dứt hiệu lực của sản phẩm bổ sung này (bao gồm Chấn thương nghiêm trọng do Tai nạn, TTTBVV do Tai nạn, Tử vong do Tai nạn), Công ty sẽ chỉ chi trả cho một sự kiện bảo hiểm có tỷ lệ phần trăm cao nhất.*

Lưu ý:

- Sun Life Việt Nam sẽ không chi trả Quyền lợi bảo hiểm cho các trường hợp loại trừ được quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ sung (nếu có).

- Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm phải kê khai thông tin đầy đủ, trung thực và thông báo khi có thay đổi các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ sung (nếu có). Việc kê khai thông tin không đúng hoặc không đầy đủ sẽ dẫn đến rủi ro không được Sun Life Việt Nam chi trả Quyền lợi bảo hiểm.

- Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các nội dung về điều khoản loại trừ được quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ sung (nếu có) và được đăng tải tại www.sunlife.com.vn.

CHI TIẾT QUYỀN LỢI VÀ PHÍ CỦA BẢO HIỂM BỔ SUNG - SỐNG CHẤT

Đơn vị: đồng

Kế hoạch bảo hiểm	Nước	Đất	Mây	Sao	Trăng
Phạm vi địa lý được bảo hiểm	Việt Nam	Việt Nam	Châu Á	Toàn cầu (trừ Mỹ)	Toàn cầu
QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ					
Số tiền bảo hiểm	100.000.000	200.000.000	500.000.000	1.000.000.000	3.000.000.000
Các loại Chi phí y tế thực tế	Hạn mức				
I. Viện phí và các chi phí y tế/Đợt điều trị (bao gồm các hạng mục từ 1.1 đến 1.9)	20.000.000	40.000.000	100.000.000	200.000.000	Theo Chi phí y tế thực tế
1.1. Phòng và giường/ngày (Tối đa 60 ngày/Năm hợp đồng)	Điều trị trong nước	700.000	1.250.000	2.000.000	10.000.000
	Điều trị ở nước ngoài	Không áp dụng	Không áp dụng		5.000.000
1.2. Phòng và giường cho 1 người thân/ngày (áp dụng đối với Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi và trên 60 tuổi; Tối đa 10 ngày/Năm hợp đồng)	250.000	500.000	1.000.000	1.500.000	3.000.000
1.3. Dịch vụ chăm sóc y tế tại nhà sau khi xuất viện/ngày (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	100.000	200.000	400.000	600.000	2.000.000
1.4. Chi phí Khoa chăm sóc đặc biệt/ngày (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	1.400.000	2.500.000	4.000.000	10.000.000	Theo Chi phí y tế thực tế
1.5. Chi phí phẫu thuật/Đợt điều trị	Theo Chi phí y tế thực tế				
1.6. Điều trị trước khi nhập viện					
1.7. Điều trị sau khi xuất viện					
1.8. Phí khám bệnh của Bác sĩ/Bác sĩ chuyên khoa					
1.9. Chi phí y tế nội trú khác/Đợt điều trị	5.000.000	10.000.000	25.000.000	50.000.000	Theo Chi phí y tế thực tế

CHI TIẾT QUYỀN LỢI VÀ PHÍ CỦA BẢO HIỂM BỔ SUNG - SỐNG CHẤT (tiếp theo)

Đơn vị: đồng

Kế hoạch bảo hiểm	Nước	Đất	Mây	Sao	Trăng
II. Các điều trị đặc biệt (áp dụng Hạn mức của các hạng mục từ 1.1 đến 1.4)					
2.1. Cây ghép nội tạng/Năm hợp đồng	50.000.000	100.000.000	250.000.000	500.000.000	Theo Chi phí y tế thực tế
2.2. Điều trị ung thư/Năm hợp đồng	Theo Chi phí y tế thực tế				
2.3. Lọc thận/Năm hợp đồng	10.000.000	20.000.000	50.000.000	100.000.000	
III. Điều trị cấp cứu do Tai Nạn					
3.1. Điều trị cấp cứu/Tai nạn	1.000.000	2.000.000	5.000.000	10.000.000	Theo Chi phí y tế thực tế
3.2. Điều trị tổn thương răng/Tai nạn	1.000.000	2.000.000	5.000.000	10.000.000	
IV. Quyền lợi khác					
4.1. Vận chuyển cấp cứu/Năm hợp đồng	1.000.000	2.000.000	5.000.000	10.000.000	Theo Chi phí y tế thực tế
4.2. Phẫu thuật/Điều trị trong ngày cho mỗi Đợt điều trị	Theo Chi phí y tế thực tế				

CHI TIẾT QUYỀN LỢI VÀ PHÍ CỦA BẢO HIỂM BỔ SUNG - SỐNG CHẤT (tiếp theo)

Đơn vị: đồng

Kế hoạch bảo hiểm	Nước	Đất	Mây	Sao	Trăng
QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ					
Số tiền bảo hiểm	5.000.000	10.000.000	20.000.000	40.000.000	120.000.000
Các loại Chi phí y tế thực tế/Lần thăm khám	Hạn mức				
1. Chi phí thăm khám, Vật lý trị liệu, Thuốc kê toa, chi phí xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh	500.000	1.000.000	2.000.000	4.000.000	10.000.000
2. Y học thay thế	250.000	500.000	1.000.000	2.000.000	5.000.000
QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NHA KHOA					
Số tiền bảo hiểm	2.000.000	4.000.000	10.000.000	15.000.000	30.000.000
Các loại Chi phí y tế thực tế	Hạn mức				
1. Cạo vôi răng/Năm hợp đồng (Tối đa 2 lần)	1.000.000	2.000.000	3.000.000	5.000.000	10.000.000
2. Chi phí điều trị nha khoa (bao gồm chi phí xét nghiệm, chẩn đoán và thuốc) phát sinh trong các điều trị: viêm nướu, nhổ răng sâu (không phẫu thuật), trám răng bằng chất liệu thông thường (amalgam, composite, GIC, fuji hoặc tương đương), chữa tủy răng, chụp X-quang theo chỉ định của Bác sĩ/Bác sĩ chuyên khoa, cắt mô cứng của răng, cắt cuống răng; răng giả, mão răng (không bao gồm trồng răng)	Theo Chi phí y tế thực tế				

CHI TIẾT QUYỀN LỢI VÀ PHÍ CỦA BẢO HIỂM BỔ SUNG - SỐNG CHẤT (tiếp theo)

Đơn vị: đồng

Kế hoạch bảo hiểm	Nước	Đất	Mây	Sao	Trăng
QUYỀN LỢI CHĂM SÓC THAI SẢN					
Số tiền bảo hiểm	15.000.000	25.000.000	35.000.000	50.000.000	120.000.000
Sinh thường (Quyền lợi tối đa cho mỗi lần mang thai)	10.000.000	15.000.000	20.000.000	30.000.000	60.000.000
Sinh mổ (Quyền lợi tối đa cho mỗi lần mang thai)	15.000.000	25.000.000	35.000.000	50.000.000	120.000.000
Các loại Chi phí y tế thực tế	Hạn mức				
1. Phòng và Giường/ngày (Tối đa 60 ngày/Năm hợp đồng)	1.250.000	2.000.000	2.500.000	5.000.000	10.000.000
2. Chi phí Khoa chăm sóc đặc biệt/ngày (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	2.500.000	4.000.000	5.000.000	10.000.000	Theo Chi phí y tế thực tế
3. Khám thai/lần (Tối đa 8 lần/Năm hợp đồng)	500.000	1.000.000	1.500.000	2.000.000	5.000.000
4. Xét nghiệm chẩn đoán thai kì	Theo Chi phí y tế thực tế				
5. Chi phí chăm sóc trẻ sơ sinh (trong vòng 7 ngày kể từ ngày sinh)					
6. Điều trị Biến chứng thai sản					

CHI TIẾT QUYỀN LỢI VÀ PHÍ CỦA BẢO HIỂM BỔ SUNG - SỐNG CHẤT (tiếp theo)

Đơn vị: đồng

Kế hoạch bảo hiểm	Nước	Đất	Mây	Sao	Trăng
QUYỀN LỢI SAN SẺ YÊU THƯƠNG					
<p>Số tiền bảo hiểm của Quyền lợi san sẻ yêu thương cho mỗi Quyền lợi bằng Số tiền bảo hiểm của Quyền lợi đó nhân số lượng Thành viên gia đình tham gia. Mỗi Thành viên gia đình sẽ vẫn được sử dụng Quyền lợi điều trị nội trú, Quyền lợi điều trị ngoại trú theo Kế hoạch đã lựa chọn như quy định bên trên. Tại cuối mỗi Năm hợp đồng, nếu tổng số tiền thanh toán cho một Thành viên gia đình < Số tiền bảo hiểm của mỗi Quyền lợi của Thành viên gia đình đó, phần chênh lệch này sẽ được dùng để thanh toán các Chi phí y tế thực tế phát sinh vượt quá Số tiền bảo hiểm của Quyền lợi tương ứng trong Năm hợp đồng đó cho các Thành viên gia đình còn lại, nếu có. Chi phí y tế thực tế nào phát sinh trước sẽ được ưu tiên thanh toán trước. Trong mọi trường hợp, tổng số tiền thanh toán cho toàn bộ Thành viên gia đình ở mỗi Quyền lợi không vượt quá Số tiền bảo hiểm của Quyền lợi san sẻ yêu thương cho Quyền lợi đó, đồng thời, tổng số tiền thanh toán cho mỗi hạng mục trong mỗi Quyền lợi cho từng Thành viên gia đình không vượt quá Hạn mức như quy định bên trên.</p>					

CHI TIẾT QUYỀN LỢI VÀ PHÍ CỦA BẢO HIỂM BỔ SUNG - SỐNG CHẤT (tiếp theo)

Ghi chú:

- **Mức khấu trừ:** là tỷ lệ phần trăm tính trên Chi phí y tế thực tế mà Bên mua bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm phải có trách nhiệm thanh toán cho mỗi sự kiện bảo hiểm, áp dụng cho Quyền lợi điều trị ngoại trú và Quyền lợi điều trị nha khoa.

Kế hoạch bảo hiểm		Nước	Đất	Mây	Sao	Trắng
Mức khấu trừ	Ngoài Hệ thống bảo lãnh viện phí	20%				10%
	Trong Hệ thống bảo lãnh viện phí	10%				Không áp dụng Mức khấu trừ
	Khám/điều trị tại Bệnh viện công hoặc đã được chi trả bởi Bảo hiểm y tế hoặc công ty bảo hiểm khác	Không áp dụng Mức khấu trừ				

- **Hệ thống bảo lãnh viện phí:** là hệ thống các Cơ sở y tế có ký kết thỏa thuận cung cấp dịch vụ bảo lãnh với Sun Life Việt Nam hoặc đối tác của Sun Life Việt Nam. Khi Người được bảo hiểm khám và điều trị tại những Cơ sở y tế này, Sun Life Việt Nam sẽ sử dụng quyền lợi bảo hiểm (nếu có) để thanh toán chi phí khám và điều trị cho Cơ sở y tế.
- **Thời gian chờ:** là khoảng thời gian mà các quyền lợi bảo hiểm sẽ không được Công ty chi trả. Thời gian chờ được tính từ Ngày hiệu lực của sản phẩm bổ sung, hoặc ngày khôi phục hiệu lực gần nhất của Sản phẩm bổ sung này, hoặc ngày thay đổi Kế hoạch bảo hiểm hoặc Quyền lợi bảo hiểm gần nhất (cho phần tăng thêm), hoặc ngày bổ sung Thành viên gia đình, tùy ngày nào đến sau. Thời gian chờ được quy định như sau:
 - Đối với Bệnh đặc biệt, ung thư, Cây ghép nội tạng: 90 ngày;
 - Đối với Chăm sóc thai sản: 270 ngày;
 - Đối với các Bệnh khác: 30 ngày;
 - Đối với trường hợp Tai nạn: không áp dụng.
- **Quyền lợi san sẻ yêu thương:**
 - Thành viên gia đình gồm Người được bảo hiểm, vợ/chồng của Người được bảo hiểm, con ruột hoặc con nuôi của Người được bảo hiểm từ 30 ngày tuổi đến 25 tuổi (tối đa 3 con trong 1 Hợp đồng bảo hiểm), cha/mẹ ruột hoặc cha/mẹ nuôi của Người được bảo hiểm. Thành viên gia đình phải có mối quan hệ bảo hiểm với Bên mua bảo hiểm và nằm trong độ tuổi theo quy định của Sản phẩm bổ sung này.
 - Quyền lợi san sẻ yêu thương sẽ phụ thuộc vào thẩm định và chấp thuận của Công ty.

CHI TIẾT QUYỀN LỢI VÀ PHÍ CỦA BẢO HIỂM BỔ SUNG - SỐNG CHẤT (tiếp theo)

- Thay đổi Kế hoạch bảo hiểm/Quyền lợi bảo hiểm:

- Tăng Kế hoạch bảo hiểm/Thêm Quyền lợi bảo hiểm: áp dụng khi Người được bảo hiểm trong độ tuổi tham gia và đáp ứng các yêu cầu về thâm định của Công ty.
- Giảm Kế hoạch bảo hiểm/Hủy quyền lợi bảo hiểm: **áp dụng từ Năm hợp đồng 4 trở đi**. Việc hủy Quyền lợi điều trị ngoại trú sẽ dẫn đến việc Quyền lợi điều trị nha khoa và Quyền lợi chăm sóc thai sản cũng sẽ bị hủy.

- Thay đổi Thành viên gia đình:

- Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu bổ sung Thành viên gia đình trong vòng 12 tháng kể từ ngày phát sinh một trong các sự kiện sau: Người được bảo hiểm kết hôn, Người được bảo hiểm sinh con hoặc nhận con nuôi.
- Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu giảm số lượng Thành viên gia đình khi: Thành viên gia đình tử vong, hoặc ly hôn với Người được bảo hiểm.

- Sản phẩm bổ sung này được xem xét gia hạn tại mỗi Ngày kỷ niệm năm hợp đồng cho đến khi Bên mua bảo hiểm yêu cầu chấm dứt hiệu lực Sản phẩm bổ sung này; hoặc Người được bảo hiểm không còn đáp ứng điều kiện về tuổi được bảo hiểm theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản Sản phẩm bổ sung này; hoặc Công ty ngưng cung cấp Sản phẩm bổ sung hoặc Kế hoạch bảo hiểm này.

CHI TIẾT QUYỀN LỢI VÀ PHÍ CỦA BẢO HIỂM BỔ SUNG - SỐNG CHẤT (tiếp theo)

Minh họa phí bảo hiểm của Bảo hiểm bổ sung - Sống Chất

Đơn vị: nghìn đồng

Người được bảo hiểm: NGUYEN VAN A										
Bảo hiểm bổ sung - Sống Chất										
Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Phí bảo hiểm năm	1.520	1.520	1.520	1.530	1.530	1.540	1.540	1.550	1.550	1.550
Năm hợp đồng	11	12	13	14	15					
Phí bảo hiểm năm	1.560	1.580	1.610	1.640	1.670					

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NDBH	Phí bảo hiểm					Giá trị minh họa tại mức lãi suất 5,6%/năm ⁽⁶⁾						
	Tổng phí bảo hiểm đã đóng hàng năm ⁽¹⁾	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung hàng năm	Phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Các khoản thưởng ⁽²⁾	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản gia tăng	Giá trị tài khoản ⁽³⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁴⁾	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền ⁽⁵⁾
1/30	14.970	12.000	-	2.970	3.600	-	2.374	-	2.374	-	500.000	-
2/31	14.970	12.000	-	2.970	4.800	-	6.105	-	6.105	-	500.000	-
3/32	14.970	12.000	-	2.970	7.200	-	12.531	-	12.531	1.731	500.000	-
4/33	14.980	12.000	-	2.980	12.000	-	24.344	-	24.344	14.144	500.000	-
5/34	14.980	12.000	-	2.980	12.000	498	37.269	-	37.269	27.669	500.000	-
6/35	14.990	12.000	-	2.990	12.000	-	50.367	-	50.367	41.967	500.000	-
7/36	14.990	12.000	-	2.990	12.000	-	64.135	-	64.135	56.935	500.000	-
8/37	15.000	12.000	-	3.000	12.000	-	78.610	-	78.610	73.810	500.000	-
9/38	15.000	12.000	-	3.000	12.000	-	93.829	-	93.829	91.429	500.000	-
10/39	15.000	12.000	-	3.000	12.000	6.324	116.166	-	116.166	116.166	500.000	-
11/40	15.010	12.000	-	3.010	12.000	-	133.402	-	133.402	133.402	500.000	-
12/41	15.030	12.000	-	3.030	12.000	-	151.563	-	151.563	151.563	500.000	-
13/42	15.060	12.000	-	3.060	12.000	-	170.708	-	170.708	170.708	500.000	-
14/43	15.090	12.000	-	3.090	12.000	-	190.895	-	190.895	190.895	500.000	-
15/44	15.120	12.000	-	3.120	12.000	10.306	222.503	-	222.503	222.503	500.000	-
16/45	-	-	-	-	-	-	232.892	-	232.892	232.892	500.000	-
17/46	-	-	-	-	-	-	243.809	-	243.809	243.809	500.000	-
18/47	-	-	-	-	-	-	255.290	-	255.290	255.290	500.000	-
19/48	-	-	-	-	-	-	267.373	-	267.373	267.373	500.000	-
20/49	-	-	-	-	-	-	280.094	-	280.094	280.094	500.000	-

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Giá trị minh họa tại mức lãi suất đảm bảo ⁽⁷⁾						
	Tổng phí bảo hiểm đã đóng hàng năm ⁽¹⁾	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung hàng năm		Các khoản thưởng ⁽²⁾	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản gia tăng	Giá trị tài khoản ⁽³⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁴⁾	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền ⁽⁵⁾
1/30	14.970	12.000	-	2.970	3.600	-	2.307	-	2.307	-	500.000	-
2/31	14.970	12.000	-	2.970	4.800	-	5.869	-	5.869	-	500.000	-
3/32	14.970	12.000	-	2.970	7.200	-	11.900	-	11.900	1.100	500.000	-
4/33	14.980	12.000	-	2.980	12.000	-	22.844	-	22.844	12.644	500.000	-
5/34	14.980	12.000	-	2.980	12.000	476	34.434	-	34.434	24.834	500.000	-
6/35	14.990	12.000	-	2.990	12.000	-	45.610	-	45.610	37.210	500.000	-
7/36	14.990	12.000	-	2.990	12.000	-	56.915	-	56.915	49.715	500.000	-
8/37	15.000	12.000	-	3.000	12.000	-	68.347	-	68.347	63.547	500.000	-
9/38	15.000	12.000	-	3.000	12.000	-	79.902	-	79.902	77.502	500.000	-
10/39	15.000	12.000	-	3.000	12.000	6.002	97.591	-	97.591	97.591	500.000	-
11/40	15.010	12.000	-	3.010	12.000	-	108.725	-	108.725	108.725	500.000	-
12/41	15.030	12.000	-	3.030	12.000	-	119.902	-	119.902	119.902	500.000	-
13/42	15.060	12.000	-	3.060	12.000	-	131.123	-	131.123	131.123	500.000	-
14/43	15.090	12.000	-	3.090	12.000	-	142.383	-	142.383	142.383	500.000	-
15/44	15.120	12.000	-	3.120	12.000	8.857	162.539	-	162.539	162.539	500.000	-
16/45	-	-	-	-	-	-	161.026	-	161.026	161.026	500.000	-
17/46	-	-	-	-	-	-	159.364	-	159.364	159.364	500.000	-
18/47	-	-	-	-	-	-	157.545	-	157.545	157.545	500.000	-
19/48	-	-	-	-	-	-	155.555	-	155.555	155.555	500.000	-
20/49	-	-	-	-	-	-	153.373	-	153.373	153.373	500.000	-
21/50	-	-	-	-	-	-	150.977	-	150.977	150.977	500.000	-
26/55	-	-	-	-	-	-	134.503	-	134.503	134.503	500.000	-

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (tiếp theo)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Giá trị minh họa tại mức lãi suất đảm bảo ⁽⁷⁾						
	Tổng phí bảo hiểm đã đóng hàng năm ⁽¹⁾	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung hàng năm		Các khoản thưởng ⁽²⁾	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản gia tăng	Giá trị tài khoản ⁽³⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁴⁾	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền ⁽⁵⁾
31/60	-	-	-	-	-	-	106.874	-	106.874	106.874	500.000	-
36/65	-	-	-	-	-	-	58.995	-	58.995	58.995	500.000	-
39/68	-	-	-	-	-	-	13.139	-	13.139	13.139	500.000	-
40/69	-	-	-	-	-	-	-	-	(*)	-	-	-

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐÓNG PHÍ TRONG THỜI GIẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Giá trị minh họa tại mức lãi suất 5,6%/năm ⁽⁶⁾						
	Tổng phí bảo hiểm đã đóng hàng năm ⁽¹⁾	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung hàng năm		Các khoản thưởng ⁽²⁾	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản gia tăng	Giá trị tài khoản ⁽³⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁴⁾	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền ⁽⁵⁾
1/30	14.970	12.000	-	2.970	3.600	-	2.374	-	2.374	-	500.000	-
2/31	14.970	12.000	-	2.970	4.800	-	6.105	-	6.105	-	500.000	-
3/32	14.970	12.000	-	2.970	7.200	-	12.531	-	12.531	1.731	500.000	-
4/33	-	-	-	-	-	-	8.575	-	8.575	-	500.000	-
5/34	-	-	-	-	-	-	4.313	-	4.313	-	500.000	-
6/35	-	-	-	-	-	-	-	-	(*)	-	-	-

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐÓNG PHÍ TRONG THỜI GIẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm					Giá trị minh họa tại mức lãi suất đảm bảo ⁽⁷⁾						
	Tổng phí bảo hiểm đã đóng hàng năm ⁽¹⁾	Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung hàng năm	Phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Các khoản thưởng ⁽²⁾	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản gia tăng	Giá trị tài khoản ⁽³⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁴⁾	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Rút tiền ⁽⁵⁾
1/30	14.970	12.000	-	2.970	3.600	-	2.307	-	2.307	-	500.000	-
2/31	14.970	12.000	-	2.970	4.800	-	5.869	-	5.869	-	500.000	-
3/32	14.970	12.000	-	2.970	7.200	-	11.900	-	11.900	1.100	500.000	-
4/33	-	-	-	-	-	-	7.565	-	7.565	-	500.000	-
5/34	-	-	-	-	-	-	3.060	-	3.060	-	500.000	-
6/35	-	-	-	-	-	-	-	-	(*)	-	-	-

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH (tiếp theo)

Ghi chú:

- (1) Bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) và Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có).
- (2) Bao gồm Thương vụ trị hợp đồng và Thương vụ đặc biệt:

Thương vụ trị hợp đồng là khoản thưởng được tích lũy vào Giá trị tài khoản tại Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 5, 10, 15 và 20, cụ thể như sau:

Ngày kỷ niệm năm hợp đồng	Thương vụ trị hợp đồng	
	% Giá trị tài khoản cơ bản trung bình trong 60 tháng liền trước được tích lũy vào Giá trị tài khoản cơ bản	% Giá trị tài khoản gia tăng trung bình trong 60 tháng liền trước được tích lũy vào Giá trị tài khoản gia tăng
Lần thứ 5	3%	3%
Lần thứ 10	3,5%	3,5%
Lần thứ 15	4%	4%
Lần thứ 20	4,5%	4,5%

Điều kiện nhận thưởng: tại các Ngày kỷ niệm năm hợp đồng được quy định trong bảng trên, Hợp đồng có hiệu lực; và tổng các khoản phí đóng (không bao gồm phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung) trong 60 tháng liền trước trừ tổng các khoản rút từ Giá trị tài khoản cơ bản trong 60 tháng liền trước phải bằng ít nhất 5 lần Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm.

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH (tiếp theo)

Thưởng đặc biệt là khoản thưởng được tích lũy vào Giá trị tài khoản cơ bản tại Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 10 và 15 và được tính như sau:

Tại Ngày kỷ niệm năm hợp đồng lần thứ 10 (% Phí bảo hiểm cơ bản trung bình theo định kỳ năm trong 10 Năm hợp đồng đầu tiên)	Tại Ngày kỷ niệm năm hợp đồng lần thứ 15 (% Phí bảo hiểm cơ bản trung bình theo định kỳ năm từ Năm hợp đồng thứ 11 tới Năm hợp đồng thứ 15)
30%	30%

Điều kiện nhận thưởng:

- Hợp đồng có hiệu lực tại Ngày kỷ niệm hợp đồng được quy định trong bảng trên; và
 - Đối với Quyền lợi Thưởng đặc biệt tại Ngày kỷ niệm năm hợp đồng lần thứ 10: trong 10 Năm hợp đồng đầu tiên, Phí bảo hiểm cơ bản phải được đóng đầy đủ hàng năm và không có giao dịch rút từ Giá trị tài khoản cơ bản; hoặc
 - Đối với Quyền lợi Thưởng đặc biệt tại Ngày kỷ niệm năm hợp đồng lần thứ 15: từ Năm hợp đồng thứ 11 đến Năm hợp đồng thứ 15, Phí bảo hiểm cơ bản phải được đóng đầy đủ hàng năm và không có giao dịch rút từ Giá trị tài khoản cơ bản.
- (3) Giá trị tài khoản là tổng của Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản gia tăng, sau khi đã khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng, phí bảo hiểm theo định kỳ tháng của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có, trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không đóng phí nhưng có đồng ý cho Sun Life Việt Nam sử dụng Giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung), các khoản rút tiền và phí rút tiền (nếu có).
- (4) Giá trị hoàn lại được xác định tại cuối mỗi Năm hợp đồng và là số tiền mà Bên mua bảo hiểm nhận được nếu hủy hợp đồng trước hạn sau Thời gian cân nhắc hoặc tại Ngày đáo hạn hợp đồng.
- (5) Việc rút tiền sẽ được thực hiện theo thứ tự từ Giá trị tài khoản gia tăng trước, sau đó đến Giá trị tài khoản cơ bản.
- (6) Lãi suất minh họa chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.
- Vui lòng tham khảo lãi suất công bố thực tế tại <https://www.sunlife.com.vn/vn/dich-vu-khach-hang/lai-suat-va-quy/thong-tin-lai-suat/> và báo cáo tình hình hoạt động của quỹ liên kết chung tại <https://www.sunlife.com.vn/vn/dich-vu-khach-hang/lai-suat-va-quy/bao-cao-quy/>. Lưu ý lãi suất công bố thực tế trong quá khứ chỉ dùng để tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo về lãi suất công bố trong tương lai.

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH (tiếp theo)

(7) Lãi suất đảm bảo được quy định trong bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4 - 5	6 - 10	11 - 15	16+
Lãi suất đảm bảo hàng năm	3,25%	3%	2,50%	2%	1,75%	1%	0,5%

(*) Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực do Giá trị tài khoản không đủ khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro, Phí quản lý hợp đồng và phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có, trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không đóng phí nhưng có đồng ý cho Sun Life Việt Nam sử dụng Giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung) hàng tháng. Sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực sẽ không được chi trả. Quý khách có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng trong vòng 24 tháng kể từ ngày mất hiệu lực.

Theo quy định của pháp luật, Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ minh họa quyền lợi tích lũy trong 20 năm đối với mức lãi suất minh họa 5,6%/năm. Trong các năm tiếp theo, Giá trị tài khoản vẫn tiếp tục được hưởng lãi theo lãi suất do Sun Life Việt Nam công bố tại từng thời điểm, nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết.

THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

1. Thông tin về Quỹ liên kết chung

- Quỹ Liên kết chung được hình thành từ phí bảo hiểm (sau khi trừ Phí ban đầu) của các Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung. Quỹ Liên kết chung được tách riêng khỏi Quỹ chủ sở hữu và các Quỹ chủ hợp đồng khác của Công ty. Công ty có quyền quyết định chính sách đầu tư và phương thức quản lý quỹ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Công ty sẽ thực hiện chính sách đầu tư thận trọng bằng việc tập trung đầu tư chủ yếu vào các tài sản có thu nhập ổn định như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu đô thị, trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng, đồng thời đầu tư vào các tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn như chứng khoán chưa niêm yết và chứng khoán đang được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Vui lòng tham khảo Thông tin về Quỹ liên kết chung tại Điều 18 Quy tắc và Điều khoản sản phẩm SUN - Sống Mới.

2. Lãi suất công bố và Phí quản lý quỹ của Quỹ liên kết chung

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Lãi suất công bố (%/năm)	6,35%	5,96%	5,20%	4,74%	5.81%
Phí quản lý quỹ (%/năm)	1,00%	1,78%	1,85%	1,78%	1.97%

Ghi chú: Phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Công ty công bố lãi suất tích lũy.

TÓM TẮT CÁC LOẠI PHÍ

1. Phí ban đầu

Khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm thu được tại mỗi lần đóng phí trước khi được phân bổ vào Giá trị tài khoản. Phí ban đầu được khấu trừ theo tỷ lệ sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4+
Phí bảo hiểm cơ bản	70%	60%	40%	0%
Phí bảo hiểm đóng thêm	2%	2%	2%	0%

2. Phí bảo hiểm rủi ro

Khoản phí được khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả các quyền lợi bảo vệ của Hợp đồng bảo hiểm. Tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro được xác định theo Số tiền bảo hiểm rủi ro, tuổi và giới tính của Người được bảo hiểm và sẽ tăng theo tuổi của Người được bảo hiểm tại mỗi Ngày kỷ niệm năm hợp đồng.

3. Phí quản lý hợp đồng

Khoản phí được khấu trừ hàng tháng để chi trả cho việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng bằng 42.000 đồng/tháng trong năm 2024 và tự động tăng 2.000 đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Trong mọi trường hợp, Phí quản lý hợp đồng không vượt quá 60.000 đồng/tháng.

4. Phí quản lý quỹ

Phí quản lý quỹ được dùng để chi trả cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết chung. Phí quản lý quỹ được tính trên Giá trị tài khoản, không vượt quá 2%/năm, và được khấu trừ trước khi Công ty công bố lãi suất tích lũy.

5. Phí hủy hợp đồng

Khoản phí mà Bên mua bảo hiểm phải chịu khi hủy hợp đồng sau Thời gian cân nhắc. Phí hủy hợp đồng được tính bằng tỷ lệ phần trăm của Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm tại Ngày hiệu lực hợp đồng và theo tỷ lệ như sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4	5	6	7	8	9	10 +
% Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm tại Ngày hiệu lực hợp đồng	90%	85%	80%	70%	60%	40%	20%	0%

6. Phí rút tiền

Khoản phí mà Bên mua bảo hiểm phải chịu khi thực hiện rút từ Giá trị tài khoản cơ bản và được tính bằng Phí hủy hợp đồng nhân tỷ lệ rút tiền. Tỷ lệ rút tiền là hệ số giữa số tiền rút và Giá trị tài khoản cơ bản tại thời điểm rút tiền.

Lưu ý: Trường hợp các khoản phí trên có sự thay đổi, Sun Life Việt Nam sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất 3 tháng trước thời điểm chính thức thay đổi.

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro tại lãi suất 5,6%/năm
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Tổng phí bảo hiểm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		
1/30	12.000	-	12.000	8.400	-	8.400	3.600	-	3.600	516	870
2/31	12.000	-	12.000	7.200	-	7.200	4.800	-	4.800	540	888
3/32	12.000	-	12.000	4.800	-	4.800	7.200	-	7.200	564	911
4/33	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	588	927
5/34	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	612	950
6/35	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	636	977
7/36	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	660	1.014
8/37	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	684	1.053
9/38	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	708	1.093
10/39	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	720	1.138
11/40	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	720	1.164
12/41	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	720	1.203
13/42	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	720	1.236
14/43	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	720	1.264

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (tiếp theo)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro tại lãi suất 5,6%/năm
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Tổng phí bảo hiểm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		
15/44	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	720	1.280
16/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.291
17/46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.343
18/47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.388
19/48	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.429
20/49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.466

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất đảm bảo
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Tổng phí bảo hiểm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		
1/30	12.000	-	12.000	8.400	-	8.400	3.600	-	3.600	516	870
2/31	12.000	-	12.000	7.200	-	7.200	4.800	-	4.800	540	888
3/32	12.000	-	12.000	4.800	-	4.800	7.200	-	7.200	564	912
4/33	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	588	929
5/34	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	612	954
6/35	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	636	985
7/36	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	660	1.027
8/37	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	684	1.074
9/38	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	708	1.125
10/39	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	720	1.184
11/40	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	720	1.231
12/41	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	720	1.299
13/42	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	720	1.367
14/43	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	720	1.440
15/44	12.000	-	12.000	-	-	-	12.000	-	12.000	720	1.512
16/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.600

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ

TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN (tiếp theo)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất đảm bảo
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Tổng phí bảo hiểm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		
17/46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.740
18/47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	1.889
19/48	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	2.050
20/49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	2.232
21/50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	2.434
26/55	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	3.983
31/60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.544
36/65	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	11.568
39/68	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	16.548

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐÓNG PHÍ TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro tại lãi suất 5,6%/năm
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Tổng phí bảo hiểm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		
1/30	12.000	-	12.000	8.400	-	8.400	3.600	-	3.600	516	870
2/31	12.000	-	12.000	7.200	-	7.200	4.800	-	4.800	540	888
3/32	12.000	-	12.000	4.800	-	4.800	7.200	-	7.200	564	911
4/33	-	-	-	-	-	-	-	-	-	588	955
5/34	-	-	-	-	-	-	-	-	-	612	1.012

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐÓNG PHÍ TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất đảm bảo
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm hàng năm	Tổng phí bảo hiểm	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản	Khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		
1/30	12.000	-	12.000	8.400	-	8.400	3.600	-	3.600	516	870
2/31	12.000	-	12.000	7.200	-	7.200	4.800	-	4.800	540	888
3/32	12.000	-	12.000	4.800	-	4.800	7.200	-	7.200	564	912
4/33	-	-	-	-	-	-	-	-	-	588	956
5/34	-	-	-	-	-	-	-	-	-	612	1.014

TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ CỦA SẢN PHẨM SUN - SÔNG MỚI

1. Loại trừ trong trường hợp tử vong

- Hành động tự tử trong vòng 2 năm kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (nếu có);
- Hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người thụ hưởng đối với Người được bảo hiểm;
- Chấp hành án tử hình;
- Bệnh có sẵn.

2. Loại trừ trong trường hợp Thương tật toàn bộ vĩnh viễn

- Sử dụng chất kích thích, các chất gây nghiện, các chất kích thích tương tự ma túy, chất có cồn với nồng độ cồn vượt mức cho phép theo quy định của pháp luật hoặc cố tình tự gây thương tích;
- Chiến tranh hoặc các hoạt động gây chiến;
- Hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;
- Phục vụ cho quân đội vào thời gian chiến tranh;
- Tham gia các môn thể thao nguy hiểm;
- Lên, xuống, vận hành, phục vụ, hoặc đang được chở trên các thiết bị hoặc phương tiện vận chuyển hàng không nhưng không là hành khách mua vé trên các chuyến bay thương mại;
- Điều trị nhiễm bức xạ hoặc nhiễm phóng xạ;
- Hành vi phạm tội hoặc cố tình tham gia vào các hành vi phạm tội, hoặc hành vi vi phạm pháp luật của Người được bảo hiểm;
- Bệnh có sẵn.

TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ CỦA SẢN PHẨM SUN - SÓNG MỚI (tiếp theo)

3. Loại trừ trong trường hợp Bệnh hiểm nghèo

- Người được bảo hiểm bị chẩn đoán Ung thư đe dọa tính mạng hoặc Suy thận giai đoạn cuối trước hoặc trong vòng 90 ngày kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (nếu có), tùy ngày nào đến sau;
- Ung thư đe dọa tính mạng hoặc Suy thận giai đoạn cuối bị gây ra bởi hoặc liên quan đến các bệnh lý bẩm sinh hoặc bệnh có sẵn hoặc điều trị nhiễm bức xạ hoặc nhiễm phóng xạ;
- Chấn thương sọ não nghiêm trọng bị gây ra bởi hoặc liên quan đến:
 - + Hành động cố tình tự gây thương tích;
 - + Chiến tranh hoặc các hoạt động gây chiến;
 - + Tham gia các môn thể thao nguy hiểm;
 - + Lên, xuống, vận hành, phục vụ, hoặc đang được chở trên các thiết bị hoặc phương tiện vận chuyển hàng không nhưng không là hành khách mua vé trên các chuyến bay thương mại;
 - + Hành vi phạm tội hoặc cố tình tham gia vào các hành vi phạm tội hoặc hành vi vi phạm pháp luật;
 - + Người được bảo hiểm sử dụng thức uống có cồn vượt quá nồng độ quy định của pháp luật hoặc sử dụng trái phép chất kích thích, chất gây nghiện

Chi tiết về Điều khoản loại trừ được quy định chi tiết tại Điều 1.4 Quy tắc và Điều khoản sản phẩm SUN - Sóng Mới.

TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ CỦA (CÁC) BẢO HIỂM BỔ SUNG

1. Bảo hiểm bổ sung - Sống An

- Tự tử trong vòng 2 năm;
 - Tự gây thương tích
 - Vi phạm pháp luật/Tham gia môn thể thao nguy hiểm/Tham gia phương tiện hàng không không phải với tư cách là một hành khách
 - Chiến tranh/gây chiến.../Nhiễm bức xạ/phóng xạ
 - Sử dụng thức uống có cồn/chất kích thích/chất gây nghiện/chất độc/thuốc
 - Nhiễm trùng, nhiễm độc; đột tử; tai biến; do hậu quả trong quá trình điều trị bệnh, phẫu thuật
- Chi tiết về Điều khoản loại trừ được quy định tại Điều 3 Quy tắc và Điều khoản sản phẩm Bảo hiểm bổ sung - Sống An.*

2. Bảo hiểm bổ sung - Sống Chất

- Tự tử
 - Tự gây thương tật/Vi phạm pháp luật/Điều trị bệnh liên quan đến HIV/AIDS (trừ khi đang làm nhiệm vụ công an/nhân viên y tế)
 - Bệnh có sẵn/Bệnh bẩm sinh/Dị tật bẩm sinh/Chiến tranh/gây chiến.../Nhiễm bức xạ/phóng xạ
 - Bệnh phong/Liên quan đến Phòng tránh thai, vô sinh.../Kiểm tra mắt/liên quan đến tật mắt...
 - Mua nội tạng để ghép tạng
 - Điều trị thẩm mỹ/thiết bị chỉnh hình/bộ phận cơ thể giả /trợ thính hoặc thị lực, nặng
 - Điều trị thử nghiệm/hoặc các điều trị/phẫu thuật tự chọn không cần thiết và hợp lý về mặt y khoa ...
 - Điều trị tâm thần/rối loạn tâm lý...hoặc điều trị nghiện rượu/thuốc lá/ma túy/chất gây nghiện
 - Sử dụng trái phép thức uống có cồn/chất kích thích/chất gây nghiện/thuốc/chất độc (trừ khi có chỉ định của Bác sĩ)
 - Tham gia môn thể thao/giải trí/hoạt động nguy hiểm/Tham gia phương tiện hàng không không phải với tư cách là một hành khách
 - Tiêm chủng/thuốc phòng ngừa
 - Nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe/tĩnh dưỡng, điều trị phục hồi chức năng
- Chi tiết về Điều khoản loại trừ được quy định tại Điều 3 Quy tắc và Điều khoản sản phẩm Bảo hiểm bổ sung - Sống Chất.*

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Tôi, **Bên mua bảo hiểm**, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, cam kết rằng đã được tư vấn đầy đủ, hiểu rõ và đồng ý với những nội dung đề cập sau đây:

1. Tôi đã được Tư vấn Tài chính của Sun Life Việt Nam giải thích rõ về Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, các quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các nội dung về điều khoản loại trừ của sản phẩm SUN - Sống Mới và các sản phẩm bổ sung (nếu có). Tôi cần tuân thủ các quy định tại Hợp đồng bảo hiểm để bảo đảm quyền và lợi ích của mình.
2. Tôi hiểu rằng tham gia Hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn. Tôi không nên duy trì Hợp đồng bảo hiểm chỉ trong thời gian ngắn hạn vì các khoản phí có thể rất cao trong thời gian đầu của hợp đồng.
3. Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức chuẩn và Phí bảo hiểm được đóng theo định kỳ năm. Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu Tư vấn Tài chính cung cấp Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm theo định kỳ đóng phí thực tế lựa chọn.
4. Giá trị tài khoản thực tế của Hợp đồng bảo hiểm tùy thuộc vào mức lãi suất thực tế, phí bảo hiểm thực đóng, định kỳ đóng phí thực tế, số tiền rút thực tế, Phí bảo hiểm rủi ro thực tế, phí bảo hiểm thực tế của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có, trong trường hợp tôi không đóng phí nhưng có đồng ý cho Sun Life Việt Nam sử dụng Giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung) và có thể cao hơn hoặc thấp hơn Giá trị tài khoản được thể hiện trong Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này.
5. Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực khi Phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên hoặc khi Giá trị tài khoản nhỏ hơn Phí bảo hiểm rủi ro, Phí quản lý hợp đồng và phí bảo hiểm thực tế của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có, trong trường hợp tôi không đóng phí nhưng có đồng ý cho Sun Life Việt Nam sử dụng Giá trị tài khoản để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung) hàng tháng kể từ Năm hợp đồng thứ 4 trở đi.
6. Lạm phát có thể dẫn đến việc trượt giá đối với các số liệu được thể hiện trong Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm.
7. Sun Life Việt Nam có thể thay đổi mức phí của (các) sản phẩm bảo hiểm bổ sung, mức phí mới chỉ được áp dụng vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng và Sun Life Việt Nam sẽ thông báo trước 3 tháng cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản.
8. Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và được đính kèm như là một phần của Hợp đồng bảo hiểm.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tôi, **Tư vấn tài chính**, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, cam kết rằng đã phân tích nhu cầu tài chính, tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp và giải thích Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, các quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các nội dung về điều khoản loại trừ của sản phẩm SUN - Sống Mới và các sản phẩm bổ sung (nếu có) với Bên mua bảo hiểm một cách đầy đủ, rõ ràng, cụ thể và trung thực. Tôi xác nhận chữ ký trên đây được ký trước sự chứng kiến của tôi và theo sự hiểu biết của tôi, đó là chữ ký của Bên mua bảo hiểm.

Mã số: 174433

Họ và tên: TRẦN VŨ QUỐC ẮN